

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023.

(V/v Xin ly hôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

K, ngày 22 tháng 5 năm 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang V – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T1 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1989; Trú tại: thôn H2, xã N, huyện B, tỉnh B1.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn P, sinh năm 1985; Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

(Đều vắng mặt có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Tạ Anh Q, sinh ngày 01/01/2009; Trú tại: thôn H2, xã N, huyện B, tỉnh B1. Giám hộ cho cháu Q là anh P và chị X – Là bố, mẹ đẻ của cháu.

4. Người làm chứng: Bà Tạ Thị H3, sinh năm 1956; Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H *(Vắng mặt có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/5/2021; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B1 chị Phạm Thị X trình bày: Chị X kết hôn với anh Tạ Văn P, sinh năm 1985 là người ở thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H trên cơ sở hai anh chị tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ vào ngày 30/12/2010. Trên thực tế 02 bên chung sống với nhau từ năm 2008, năm 2009 sinh ra cháu Tạ Anh Q nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2009, từ năm 2009 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P chơi bời nghiện ma túy nên đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phải chấp hành

án phạt tù. Sau khi chấp hành án xong, anh P không thay đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội về ma túy. Sau khi mãn hạn tù, anh P vào trong xã M huyện C, tỉnh B1 làm phiền chị X, nhưng sau đó anh P cũng đã tự viết giấy cho chị X vào năm 2018 có nội dung “Cam đoan không làm phiền chị X nữa”. Chị X đã gửi đơn ly hôn anh P đến Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B1 nhưng do anh P đã chuyển về sống tại thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện B đã chuyển hồ sơ vụ án ly hôn giữa chị X và anh P về Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H để giải quyết theo thẩm quyền. Chị X đã gửi đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện K.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2022, bị đơn anh Tạ Văn P trình bày: Có quan điểm thống nhất với chị X về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân, diễn biến, mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân. Chị X xin ly hôn, anh P hoàn toàn nhất trí. Do bận công việc nên anh P đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết và xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị X vắng mặt anh P theo quy định của pháp luật, anh P không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị X và anh P khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Anh Q, sinh ngày 01/01/2009. Hiện cháu Q đang sống cùng chị X. Chị X xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q cho đến khi cháu khôn lớn, trưởng thành (đủ 18 tuổi) và được anh Q nhất trí. Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Chị X và anh P khẳng định không có gì liên quan, không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B1 tiến hành ghi lời khai quan điểm của cháu Tạ Anh Q về việc cháu Q có nguyện vọng xin ở với ai khi chị X, anh P ly hôn. Tuy nhiên, cho đến nay Tòa án nhân dân huyện K vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị X và bị đơn anh Tạ Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Tạ Anh Q đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng – bà Tạ Thị H3 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- ***Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*** Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn, đều xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không

thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị X; Giao cháu Tạ Anh Q, sinh ngày 01/01/2009 cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi); Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị X và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị X có đơn đề nghị TAND huyện B, tỉnh B1 giải quyết ly hôn cho chị và anh Tạ Văn P. Tuy nhiên, anh P có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H, nên TAND huyện B, tỉnh B1 đã chuyển hồ sơ vụ án ly hôn giữa chị X và anh P về Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H để giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định tại Điều 41 của BLTTDS. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B1 tiến hành ghi lời khai quan điểm của cháu Tạ Anh Q về việc cháu Q có nguyện vọng xin ở với ai khi chị X, anh P ly hôn nhưng không nhận được kết quả ủy thác. Do vậy, căn cứ vào khoản 5 Điều 105 của BLTTDS Tòa án nhân dân huyện K giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

Chị X, anh P đều có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa; cháu Tạ Anh Q đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng – bà Tạ Thị H3 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị X kết hôn với anh P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 30/12/2010 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống. Mặt khác, anh P là đối tượng nghiện ma túy đã nhiều lần phải chấp hành án phạt tù về

loại tội liên quan đến ma túy. Sau khi ra tù, anh P không chí thú làm ăn mà vẫn chơi bời, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị X xác định đời sống hôn nhân của chị và anh P không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị X làm đơn xin ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống. Anh P cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị X nên chị X xin ly hôn anh P hoàn toàn nhất trí để giải phóng cho chị X.

Theo xác minh tại cơ sở thôn A, xã Đ, Ban tư pháp xã Đ và người thân trong gia đình của chị X, anh P thì thấy rằng, quá trình chung sống hai bên đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã được người thân gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị X và anh P đã ly thân nhau từ khoảng năm 2018 cho đến nay đã được 05 năm không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị X và anh P đều không mong muốn đoàn tụ và đều có nguyện vọng được ly hôn nhau để bắt đầu cuộc sống mới, điều đó chứng minh rằng tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X xin ly hôn, anh P hoàn toàn nhất trí. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Mặc dù Tòa án không thu thập được quan điểm của cháu Tạ Anh Q về việc cháu xin ở với ai khi chị X và anh P ly hôn nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên thực tế cháu Tạ Anh Q đã và đang sống với chị X ổn định, chị X có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu Q. Mặt khác, anh P cũng nhất trí để chị X được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy, cần giao cháu Q cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với nguyện vọng của chị X, anh P đồng thời cũng phù hợp với điều kiện, tình trạng thực tế về mọi mặt của anh chị cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết vì chị X và anh P không yêu cầu; Sau khi ly hôn anh P có quyền thăm nom con chung của mình theo Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Chị X và anh P đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị X

đã nộp tại biên lai thu số 016267 ngày 17/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B1 nên chị X đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng: Khoản 5 Điều 105, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Tạ Văn P.

[3]. Về con chung: Giao cháu Tạ Anh Q, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Phạm Thị X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh P có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị X đã nộp tại biên lai thu số 016267 ngày 17/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B1 nên chị X đã thi hành xong án phí của mình.

[5]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện B;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu HI